

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TPL22B1OLV** Năm học: **22-23**
Mã môn học/ Mô đun: **MH02136** Học kỳ: **01**
Tên môn học/ Mô đun: **Luật Đất đai**
Số tín chỉ: **2**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	2253801011205	Đặng Văn Bé Ba	30/04/1989				6	7.0	8.0			8.5		8.0
2	2253801011206	Lê Bình Chiến	10/04/1990				3	6.0	5.0			7.0		6.2
3	2253801011207	Trần Ngọc Diên	17/01/1984				2	8.0	7.0			8.5		7.7
4	2253801011208	Nguyễn Hoàng Giang	12/12/1993				3	7.0	7.0			8.5		7.6
5	2253801011209	Trần Nhật Hào	17/10/1999				5	6.0	8.0			9.5		8.3
6	2253801011210	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	12/03/1987				3	8.0	7.0			8.5		7.7
7	2253801011211	Trần Công Hậu	19/01/1991				5	8.0	8.0			9.5		8.7
8	2253801011212	Nguyễn Văn Hết	18/04/1979				7	5.0	6.0			6.0		5.9
9	2253801011213	Kha Văn Hòa	08/04/1971				8	8.0	7.0			9.0		8.4
10	2253801011214	Mai Thanh Hoàng	01/01/1982				3	8.0	7.0			7.5		7.1
11	2253801011215	Nguyễn Thị Huệ	20/11/1992				8	8.0	8.0			8.5		8.3
12	2253801011216	Nguyễn Văn Kiệt	29/08/1996				3	6.0	7.0			0.0		2.3
13	2253801011217	Huỳnh Văn Khải	02/08/1992				9	7.0	8.0			6.0		6.7
14	2253801011218	Trần Thị Liên	23/04/1992				8	6.0	8.0			7.0		7.1
15	2253801011219	Phan Thị Liễu	10/01/1984				8	9.0	7.0			9.5		8.9
16	2253801011220	Nguyễn Huy Long	02/03/1988				7	7.0	8.0			9.0		8.4
17	2253801011221	Trần Văn Ngà	30/04/1989				7	9.0	7.0			8.0		7.9
18	2253801011222	Nguyễn Thị Thảo Ngân	28/12/1993				8	9.0	8.0			9.0		8.8
19	2253801011223	Nguyễn Thế Phong	15/09/2000				7	7.0	8.0			0.0		3.0
20	2253801011224	Huỳnh Trọng Phúc	19/06/2004				6	9.0	7.0			0.0		3.0
21	2253801011225	Lê Văn Quý	21/09/1974				9	7.0	5.0			6.0		6.2
22	2253801011226	Trần Hữu Sang	19/01/1989				5	7.0	7.0			8.5		7.7

Châu Đốc, ngày 1 tháng 6 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Đoàn Thị Ngọc Yến